

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 01 năm 2021
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Nguyên Hồng.
2. Ông Hà Văn Sơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX-ST ngày 7 tháng 01 năm 2022:

Nguyên đơn: Anh Lò Văn M, sinh năm 1988. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản Co Pục, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1992. Nơi đăng ký hộ khẩu: Bản Co Pục, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Nơi ở: Bản Co My, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lò Văn I, sinh năm 1967. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản Co Pục, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lò Văn M trình bày như sau:

Anh và chị Tòng Thị H kết hôn với nhau năm 2011 việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La vào ngày 02/07/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị H không chung thủy với chồng nhiều lần anh đã bắt quả tang chị H nhắn tin gọi điện thoại cho người đàn ông khác, đến ngày 03/8/2021 anh cũng đã bắt được chị H hẹn hò với người đàn ông khác ở vườn chuối. Mặc dù anh chị cũng được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng chị H cũng không thay đổi, cuộc sống hôn nhân bế tắc. Đến cuối tháng 8 năm 2021 chị H đã về bên nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được, không thể tiếp tục chung sống được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lò Thái Dương, s1 ngày 17/02/2009 và cháu Lò MI Q, s1 ngày 12/02/2011. Từ khi sống ly thân cháu Dương và Q là do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Nguyên vọng của anh sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu Dương và Q cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung vợ chồng: Anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Tại biên bản tự khai ngày 26/11/2021, bị đơn chị Hà Thị H trình bày:

Quá trình kết hôn đúng như anh M đã trình bày anh và chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2011 và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La vào ngày 02/7/2011 và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M thường xuyên ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh M nghi ngờ chị không chung thủy, ngoại tình với người đàn ông khác chỉ vì chị nhắn tin cho bạn, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, hôn nhân không hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2021 anh chị đã sống ly thân, chị chuyển về bản Co My, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn ở cùng bố mẹ đẻ. Trong thời gian chị về anh M cũng không quan tâm hỏi han gì chị, nay anh M có đơn xin ly hôn với chị, chị đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn. Từ khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn giữa anh M và chị, chị đã về Hà Nội

làm thuê mặc dù chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập của tòa án, nhưng do tình hình dịch bệnh việc đi lại khó khăn. Chị xin được vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải, làm việc cũng như xét xử của Tòa án.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lò Thái Dương, s1 ngày 17/02/2009 và cháu Lò MI Q, s1 ngày 12/02/2011. Từ khi sống ly thân cháu Dương và Q đang ở cùng anh M, nay Chị đồng ý với nguyện vọng của anh M.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung vợ chồng: Anh chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Tại biên bản tự khai ngày 20/12/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn I trình bày:

Ông là bố đẻ của anh Lò Văn M và là bố chồng của chị Hà Thị H, anh M và chị H tìm hiểu yêu đương với nhau vào năm 2008 và chung sống với nhau từ thời điểm đó, đến năm 2011 anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Từ khi s1 sống cùng nhau anh M và chị H chung sống cùng ông bà ở xã chiềng ngần. Chị H và anh M đều không có công ăn việc làm ổn định chỉ cùng ông bà làm nương rẫy công việc đó cũng chỉ đủ ăn, không để dành được tiền vì anh chị còn nuôi hai đứa con ông bà cũng vẫn pH trợ giúp cùng. Khi chị H về làm dâu ông bà có ba gian nhà sàn, đến năm 2018 ông bà bán một phần mảnh đất của ông bà có từ năm 1996 đi để lấy tiền xây ngôi nhà mới, tiền làm nhà hoàn toàn là của ông bà, anh M và chị H cũng không đóng góp được đồng nào cùng ông bà, anh chị chỉ phụ giúp ông bà dọn dẹp trong quá trình xây nhà.

- Về con chung anh chị có hai con chung là cháu Lò Thái Dương, s1 ngày 17/02/2009 và cháu Lò Minh Q, sinh ngày 12/02/2011. Từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ hai cháu ở với bố và vợ chồng ông I cho đến nay.

Về tài sản chung: Từ khi về chung sống với nhau hai vợ chồng ở với ông bà nên cũng chưa tạo lập được tài sản gì.

- Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Lò Thái Dương và cháu Lò Minh Q có nguyện vọng được ở cùng bố đẻ là anh Lò Văn M khi bố mẹ ly hôn.

Do chị H đi làm ở Hà Nội dịch bệnh không về tham gia các buổi làm việc tại tòa. Anh M có đơn không đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải. Nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lò Văn M đối với chị Hà Thị H. Về con chung: Giao cháu Lò Thái Dương, sinh ngày 01/03/2009 và cháu Lò Minh Q, sinh ngày 17/02/2011 cho anh Lò Văn M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M do anh M không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí: Anh M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 22/11/2021, anh Lò Văn M có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Hà Thị H. Nơi ở: Bản Co My, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình số 71/TLST- HNGĐ ngày 24/11/2021 với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn

là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với chị Hà Thị H. Tuy nhiên chị H vắng mặt có lý do. Và đã có lời khai gửi cho Tòa án cũng như đơn xin vắng mặt. Anh M cũng có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải do đó Tòa án không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc xét xử, trước khi mở phiên Tòa: Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự. Chị H đã nhận được quyết định xét xử cũng như giấy triệu tập của Tòa án, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do đang ở vùng dịch không về được. Vì vậy căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Lò Văn M và chị Hà Thị H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011, anh chị đã được UBND xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/07/2011, khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh M nghi ngờ chị H ngoại tình, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù anh chị cũng đã được gia đình cùng chính quyền hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Đến tháng 8/2021 anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh M, chị H mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lò Văn M, xử cho anh M được ly hôn với chị H.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lò Thái Dương, sinh ngày 01/03/2009 và cháu Lò Minh Q, sinh ngày 17/02/2011. Chị H nhất trí với nguyện vọng của anh M giao cả hai cháu Dương và Q cho anh M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chấp nhận việc anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

[2.3] Về tài sản chung: Không có.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

Sau khi anh Lò Văn M và chị Hà Thị H kết hôn với nhau có ở chung với bố, mẹ chồng là ông Lò Văn I và bà Lò Thị Hồn từ năm 2008 đến năm 2018 thì tháo dỡ nhà sàn của ông I và bà Hồn để xây nhà (theo lời khai của ông I và anh M) trong quá trình xây nhà chị Hà Thị H không có tiền góp để xây, nhưng có góp công sức như dọn dẹp, phụ giúp ông bà, do chị Hà Thị H không yêu cầu nên Hội đồng

xét xử không xem xét, trường hợp chị Hà Thị H có yêu cầu phân chia công sức đóng góp vào việc xây nhà của ông I và bà Hồn thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[2.5] *Về án phí:* Anh Lò Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, **Điều 238**, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lò Văn M và chị Hà Thị H.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Lò Thái Dương, s1 ngày 01/03/2009 và cháu Lò Minh Q, sinh ngày 17/02/2011 cho anh Lò Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận việc anh Lò Văn M không yêu cầu chị Hà Thị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn chị H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Anh Lò Văn M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001303 ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tẻnh

